



CÔNG TY CỔ PHẦN XÉP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN
242 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2019

Tháng 04 năm 2020



I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP DỠ VÀ DỊCH VỤ CẢNG SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:0310346174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/09/2010.
- Vốn điều lệ: 40.500.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.675.718.215 đồng
- Địa chỉ: 242 đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (028)37831362, Số fax: (028) 38731261
- Website: sasteco.vn
- Mã cổ phiếu: SAC

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn (viết tắt SASTECO) với tiền thân là Xí nghiệp Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn được thành lập ngày 01/08/2008 trên cơ sở sáp nhập các bộ phận bốc xếp, giao nhận, cơ giới và một phần các bộ phận chuyên môn từ các Công ty Xếp dỡ cũ của Cảng Sài Gòn.

Ngày 01/10/2010, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Năm 2011: Thay đổi người đại diện theo pháp luật và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai.

Năm 2012 : Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong.

Năm 2013 : Thành lập Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn tại Bà Rịa - Vũng Tàu.

Năm 2015 : Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc.

Tháng 04/2016 : Thay đổi người đại diện theo pháp luật, ông Phan Minh Trí được bổ nhiệm Tổng Giám đốc thay thế ông Nguyễn Quốc Hưng.

Năm 2016 : Góp vốn thành lập Công ty CP Thương mại dịch vụ vận tải Logistics Sài Gòn Bến Tre.

Năm 2017 : Di dời trụ sở Công ty về 155 Đường số 8, KDC Nam Long, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.

Năm 2018 : Thoái 100% vốn góp tại Công ty Cổ phần Logistics Tân Thuận Phong.

Năm 2019 : Di dời trụ sở Công ty về 242 đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan, cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ logistics;
- Dịch vụ đóng gói;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác, dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí. Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán và cho thuê thiết bị;
- Các ngành nghề khác theo Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 của Công ty.

Địa bàn kinh doanh:

SASTECO là đơn vị được ưu tiên hoạt động và chịu trách nhiệm xếp dỡ, giao nhận, đóng gói hàng hóa tại các cảng và các tuyến phao trực thuộc Cảng Sài Gòn.

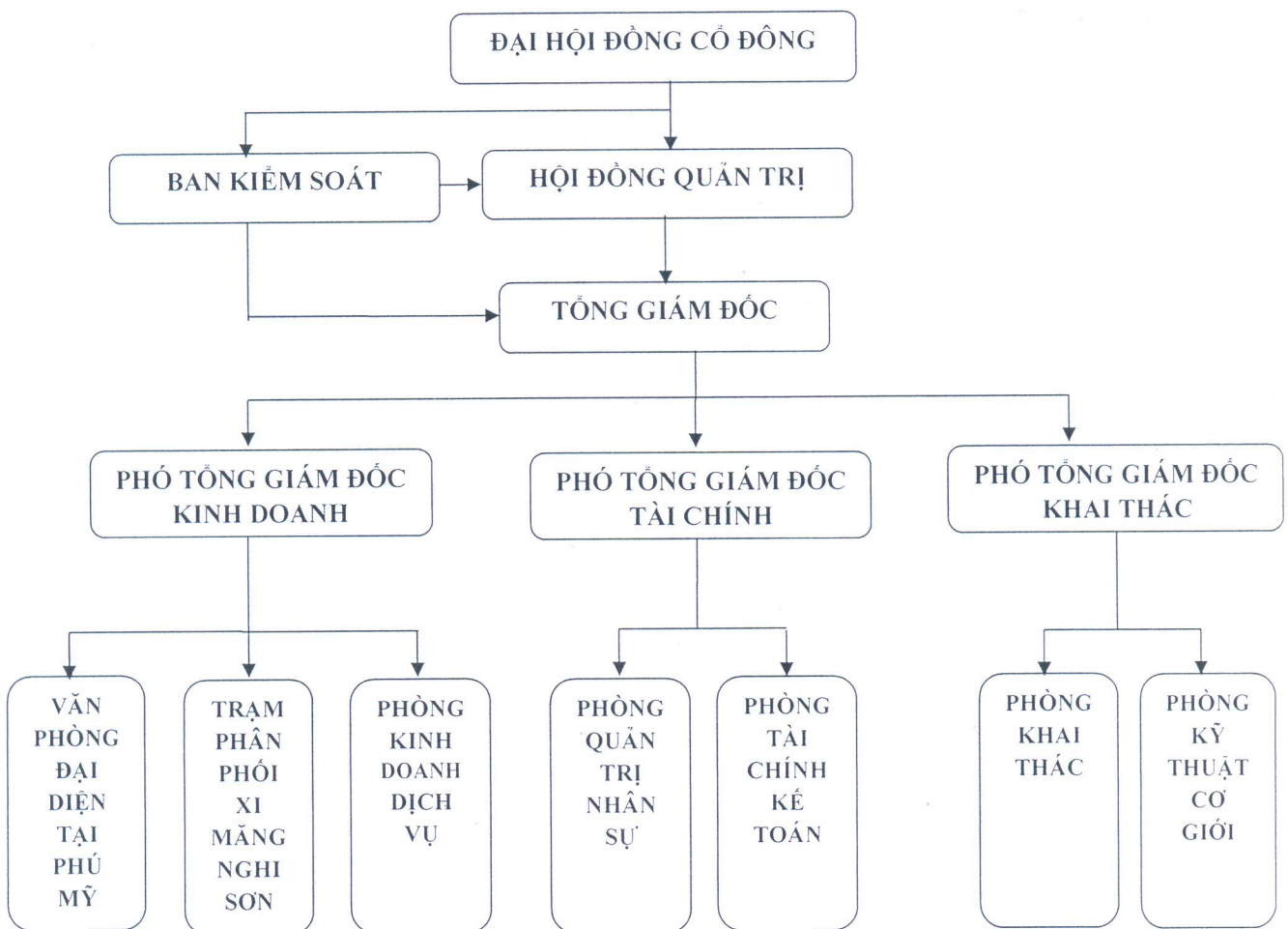
Ngoài Cảng Sài Gòn là địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ chủ yếu chiếm trên 55% doanh thu hàng năm của Công ty, Công ty còn triển khai mở rộng thị phần ra các cảng và bến phao khác ở khu vực TPHCM bao gồm : Cảng Bến Nghé, Cảng Phú Hữu, Cảng Tân Thuận Đông, Cảng Rau Quả..., khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm : Cảng Cần Thơ, Cảng Hậu Giang, Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.... khu vực Bà Rịa Vũng Tàu bao gồm : Cảng SSIT, Cảng ODA Thị Vải, Cảng SP-PSA, Cảng Interflour....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1 Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty liên kết :

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc

- Địa chỉ: B32 Nguyễn Thành Hiến, P18, Quận 4, TP.HCM

- Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics....

- Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

- Vốn điều lệ thực góp của SASTECO : 300.000.000 đồng.

- Tỷ lệ sở hữu: 30%

+ Công ty góp vốn

Công ty Cổ phần TMDVVT Logistics Sài Gòn Bến Tre

- Địa chỉ: 155 đường số 8, KDC Nam Long, P Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Bốc xếp, giao nhận và đóng gói hàng hóa, Logistics,...

- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ thực góp của SASTECO : 200.000.000 đồng.

- Tỷ lệ sở hữu: 10%

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

Từ khi được thành lập đến nay, SASTECO luôn tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh hướng tới các mục tiêu cụ thể như sau:

+ Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm đầu tư phát triển hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

+ Khai thác cung cấp dịch vụ cảng biển nhằm đáp ứng nhu cầu của Cảng Sài Gòn và mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ đến các cảng khác trong khu vực.

+ Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, thu hút nhà đầu tư, giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, đóng góp vào ngân sách Nhà Nước theo đúng quy định.

+ Phát triển thành một doanh nghiệp lớn mạnh, có khả năng cạnh tranh trong ngành và khu vực.

Với bề dày lịch sử lâu đời của Cảng Sài Gòn và kinh nghiệm xếp dỡ lâu năm làm đa dạng các mặt hàng tại các đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn và nhiều khu vực khác, SASTECO định hướng trở thành một trong những đơn vị có thương hiệu tốt nhất trong việc cung cấp dịch vụ xếp dỡ tại cảng biển. Cùng với việc khẳng định vị trí, thương hiệu xếp dỡ hàng đầu tại các cảng khu vực TP. Hồ Chí Minh, SASTECO sẽ tiếp tục phát triển thị trường tại khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

+ Trung hạn: Đầu tư trang thiết bị mới đáp ứng thay thế các trang thiết bị đã cũ và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty khi tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và các khu vực khác. Tiếp tục sắp xếp tái cơ cấu tổ chức trên cơ sở tăng năng suất lao động, gia tăng chất lượng dịch vụ.

+ Dài hạn: Phát triển thương hiệu và đẩy mạnh hoạt động logistics, cho thuê phương tiện, trang thiết bị, dịch vụ hàng hải và mở rộng hoạt động ra các địa bàn hoạt động mới, đồng thời tổ chức liên kết, hợp tác với nhiều đơn vị có năng lực, uy tín nhằm đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu của khách hàng.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng :

Bên cạnh việc tập trung thực hiện các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn quan tâm thực hiện các mục tiêu đối với môi trường và xã hội, những năm qua SASTECO đã thực hiện nhiều hoạt động xã hội, chủ yếu hướng về người lao động trong Công ty, nhằm làm tăng tính đoàn kết trong tập thể cũng như tạo những giây phút thư giãn, vui chơi thoải mái sau những giờ làm việc mệt nhọc.

Công ty cam kết tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, ủng hộ các hoạt động từ thiện, chia sẻ và giúp đỡ những khó khăn với cộng đồng (thiên tai, lũ lụt, người có công, trẻ em nạn nhân của chất độc da cam, người khuyết tật...), tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn, sức khỏe.

5. Các rủi ro:

5.1 Rủi ro đặc thù ngành:

Rủi ro cạnh tranh : Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ xếp dỡ hàng hóa chủ yếu tại Cảng Sài Gòn, trong các năm qua, Cảng Sài Gòn đã chịu sự cạnh tranh rất gay gắt từ các cảng trong khu vực TP.HCM và Bà Rịa Vũng Tàu, do đó cũng ảnh hưởng tiêu cực đến nguồn hàng của SASTECO. Hiện nay, có nhiều đơn vị cùng ngành nghề tham gia hoạt động và cung cấp dịch vụ tương tự ở các địa bàn đã tạo sự cạnh tranh về thị phần đối với SASTECO.

Rủi ro cơ sở hạ tầng : Vận tải biển, khai thác và dịch vụ cảng được coi là một ngành công nghiệp dịch vụ, làm gia tăng giá trị hàng hóa thông qua việc di chuyển hàng hóa đó từ nơi này đến nơi khác. Đầu tư xây dựng cảng biển thường cần đến sự đồng bộ của kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia, nhưng có thể thấy, hệ thống giao thông tại Việt Nam chưa được đảm bảo, chất lượng cơ sở hạ tầng còn kém,... gây nhiều khó khăn, bất cập đối với ngành cảng biển nói chung và SASTECO nói riêng. Bên cạnh đó, Cảng biển phát triển đi đôi với quá trình lấn biển tạo quỹ đất và không gian cho xây dựng bến bãi, kho hàng cùng với việc mở rộng và phát triển đô thị cũng đòi hỏi các doanh nghiệp hoạt động trong ngành cảng biển cần vốn đầu tư lớn để phát triển hơn nữa.

Rủi ro sản phẩm thay thế : Vận tải biển vẫn là phương thức phổ biến nhất trong các phương thức vận tải bởi nhiều điểm thuận lợi của nó về tiết kiệm chi phí, vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn đặc biệt là vận chuyển được những loại hàng hóa cồng kềnh, siêu trường, siêu trọng. Tuy nhiên, hệ thống giao thông đường bộ ngày càng được phát triển, các hệ thống đường cao tốc, cầu nối,... được chú trọng đầu tư hơn thì vận chuyển bằng đường bộ ít nhiều có thể thay thế, gây ảnh hưởng phần nào đến hoạt động của doanh nghiệp trong ngành.

Rủi ro phát sinh từ nội bộ: SASTECO đã có những đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị, chú trọng nâng cao năng suất lao động. Ngoài ra, nhân sự cần được chú trọng, đào tạo bài bản, cần nâng cao trình độ hơn nữa. Hơn nữa, với đặc tính tập trung vào đầu mỗi, khi nhân viên nghỉ việc, Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc gây dựng quan hệ với khách hàng. Do đó, Công ty có các chương trình đào tạo và nâng cao trình độ nhân viên, đồng thời có những chính sách quan tâm người lao động, động viên khuyến khích nhân viên gắn bó với Công ty. Công tác bóc xếp hàng hóa của Công ty đòi hỏi số lượng lao động phổ thông lớn, đặc biệt là trong những thời gian cao điểm, tàu cập cầu cảng nhiều. Vì vậy, rủi ro về nhân sự luôn là vấn đề được Công ty đặc biệt chú trọng. Làm việc ở cảng biển tiềm ẩn nhiều rủi ro và nguy hiểm, ảnh hưởng bởi các yếu tố độc hại; chịu áp lực từ việc đảm bảo năng suất xếp dỡ từ các cảng, chủ hàng. Do vậy, Công ty luôn nhắc nhở nhân viên không được lơ là, tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc an toàn lao động, các quy trình được đặt ra nhằm đảm bảo công việc không những được thuận lợi, đạt năng suất mà còn hạn chế xảy ra những vấn đề trực tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của người lao động. Nếu rủi ro này xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh Công ty cũng như làm tăng các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để giải quyết các vấn đề trên.

5.2. Rủi ro thay đổi chính sách:

Chính phủ có thể can thiệp vào việc phân luồng hàng hải, giãn mật độ cảng hoặc thậm chí là di dời cảng. Do các cảng nằm sâu trong nội thành Sài Gòn – khu vực thường xuyên xảy ra tắc nghẽn giao thông, áp lực đi lại nhất là giờ cao điểm. Một khi, lượng hàng dồn về đây quá nhiều sẽ khiến cho các cấp quản lý phải có những chính sách giải quyết để đảm bảo cho giao thông trong đô thị. Điển hình, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đang đệ trình phương án xây dựng cầu Thủ Thiêm 4 bắc ngang Cảng Tân Thuận (đơn vị chiếm khoảng 50% sản lượng xếp dỡ của SASTECO). Nếu cầu Thủ Thiêm 4 được Chính phủ chấp thuận triển khai, thì Cảng Tân Thuận sẽ phải di dời sang địa điểm khác và hoạt động sản xuất kinh doanh của SASTECO cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Ngoài ra, những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô, bao gồm chậm trễ trong cắt giảm thuế xuất nhập khẩu theo lộ trình gia nhập WTO, trong dự án cầu cảng, những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu, cũng có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3 Rủi ro luật pháp:

SASTECO là doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Công ty chịu sự chi phối của các Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Thuế, Luật Lao động, Luật chứng khoán,... Việc nghiên cứu để có được sự hiểu biết và vận dụng theo tinh thần của Luật là việc được Công ty luôn chú trọng để chấp hành đúng đảm bảo hoạt động của Công ty một cách thuận lợi nhất.

Ngoài ra, SASTECO là công ty đại chúng và được niêm yết trên sàn Upcom nên các hoạt động của Công ty cần phải công khai, minh bạch và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Chính phủ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5.4 Rủi ro khác:

Ngoài các rủi ro nêu trên, những rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... tuy xác suất xảy ra không cao nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với TH 2018	Tỷ lệ thực hiện 2019 so với KH 2019
Doanh thu SXKD						
1	Kinh doanh chính	167,758,079,925	160,950,000,000	120,638,309,718	71.91%	74.95%
2	Lãi Tài chính	2,480,155,070	1,050,000,000	2,143,495,993	86.43%	204.14%
3	Thu nhập khác	411,229,969		680,775,119	165.55%	
Chi phí SXKD						
1	Giá vốn kinh doanh ngoài	49,221,646,821	37,000,000,000	13,353,158,167	27.13%	36.09%
2	Chi phí lương	11,800,809,695	18,000,000,000	18,181,866,814	154.07%	101.01%
3	Lương ban lãnh đạo	1,330,000,000	1,320,000,000	1,311,750,909	98.63%	99.38%
4	Chi phí nhân công thuê ngoài	63,380,174,612	56,000,000,000	48,353,912,245	76.29%	86.35%
5	2% Kinh phí công đoàn	124,216,000	180,000,000	180,882,000	145.62%	100.49%
6	BHXH, BHYT, BHTN	1,336,483,000	1,700,000,000	1,945,948,500	145.60%	114.47%
7	Nhiên liệu, vật liệu, CCDC	6,761,565,169	9,600,000,000	6,081,240,327	89.94%	63.35%
8	Khấu hao	6,350,938,478	9,000,000,000	6,166,548,764	97.10%	68.52%
9	Sửa chữa thiết bị, phương tiện	1,948,880,008	2,900,000,000	1,953,926,513	100.26%	67.38%
10	Ăn giữa ca	681,600,000	900,000,000	658,275,000	96.58%	73.14%
11	Chi phí chung khác	616,042,831	700,000,000	574,657,752	93.28%	82.09%
12	Điện, nước	155,788,667	200,000,000	142,944,431	91.76%	71.47%
13	Thuê phương tiện thiết bị, CCDC	9,267,547,126	6,000,000,000	6,907,677,325	74.54%	115.13%
14	Tiền thuê đất, mặt bằng, bãi, VP	935,636,363	500,000,000	538,545,454	57.56%	107.71%

15	Chi phí quản lý	6,044,738,766	6,000,000,000	8,089,125,646	133.82%	134.82%
	TỔNG CỘNG	159,956,067,536	150,000,000,000	114,440,459,847	71.54%	76.29%
Kết quả sản xuất kinh doanh						
1	Vốn điều lệ	40,500,000,000	40,500,000,000	40,500,000,000	100.00%	100.00%
2	Tổng doanh thu	170,238,234,995	162,000,000,000	123,462,580,830	72.52%	80.69%
3	Tổng chi phí	159,956,067,536	150,000,000,000	114,771,596,374	71.75%	81.40%
4	Lợi nhuận SXKD chính	10,282,167,459	12,000,000,000	8,341,345,864	81.12%	69.51%
5	Tổng lợi nhuận	10,693,397,428	12,000,000,000	8,690,984,456	81.27%	72.42%
6	Thuế TNDN	2,136,470,622	2,400,000,000	1,767,953,834	82.75%	73.66%
7	Lợi nhuận sau thuế	8,556,926,806	9,600,000,000	6,923,030,622	80.91%	72.11%
8	Sản lượng	13,519,808	13,800,000	11,986,596	88.66%	86,85%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên Chức vụ	Tóm tắt lý lịch	Số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu CP (%)
01	Ông Phan Minh Trí Tổng Giám đốc	Ngày sinh: 10/06/1962. Quê quán: Hà Nội Trình độ chuyên môn: Kỹ sư	41.500	1,025%
02	Ông Phan Công Dân Phó Tổng Giám đốc	Ngày sinh: 01/05/1966. Quê quán: Đồng Tháp Trình độ chuyên môn: Cử nhân	4.700	0,116%
03	Ông Trần Ngọc Út Phó Tổng Giám đốc	Ngày sinh: 01/01/1967 Quê quán: Quảng Ngãi Trình độ chuyên môn: Cử nhân	0	0
04	Ông Trần Khánh Lâm Phó Tổng Giám Đốc	Ngày sinh: 07/09/1972 Quê quán: Cà Mau Trình độ chuyên môn: Cử nhân	1.000	0,02%
05	Bà Hồ Thị Thanh Thanh Kế toán trưởng	Ngày sinh: 27/11/1981 Quê quán: Quảng Trị Trình độ chuyên môn: Cử nhân	0	0

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

TT	Họ Tên	Chức vụ cũ	Chức vụ mới	Ngày bổ nhiệm - miễn nhiệm
1	Trần Khánh Lâm	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc	Từ 16/10/2019
2	Hồ Thị Thanh Thanh	Phó Phòng Tài chính Kế toán	Kế toán trưởng	Từ 16/10/2019

- Số lượng cán bộ, nhân viên :

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	171	
1	Trình độ trên đại học		

2	Trình độ đại học, cao đẳng	47	27,49%
3	Trình độ trung cấp	10	5,85%
4	Công nhân kỹ thuật	11	6,43%
5	Lao động phổ thông	103	60,23%
II	Theo loại hợp đồng lao động	171	
1	Hợp đồng không thời hạn	46	27,49%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	6	3,51%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	118	69,00%
III	Theo giới tính	171	
1	Nam	153	89,47%
2	Nữ	18	10,53%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư trong năm : Trong năm 2019, Công ty đầu tư mua sắm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh chi tiết như sau:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

TT	Diễn giải	Số lượng	Thành tiền
1	Xe ủi hiệu Komatsu D31P-20A	02 Cái	1.440.000.000
2	Xe ủi hiệu Komatsu D31P-18A	01 Cái	500.000.000
3	Xe ủi bánh xích hiệu Komatsu D31P-16	02 Cái	740.000.000
4	Xe đào bánh xích hiệu Komatsu PC 100N-6	02 Cái	1.100.000.000
5	Ngáng kéo tole cuộn chữ C 30 Tấn	04 cái	180.000.000
6	Cân treo điện tử 30 Tấn	02 cái	109.000.000
CỘNG :			4.069.000.000

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

STT	Các khoản đầu tư	Giá trị
1	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm và trên 3 tháng	29.500.000.000
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.120.000.000
	<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i> - CTCP Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc	300.000.000
	<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i> - Cty CP TMDV VT Sài Gòn Bến Tre	200.000.000
	- Cổ phiếu Công ty CP Cảng Quy Nhơn	620.000.000
Tổng cộng		30.620.000.000

4. Tình hình tài chính – các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

4.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

Chỉ tiêu (triệu đồng)	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm
Tổng tài sản	103.250.945.039	91.084.123.087	-11,78%

Doanh thu thuần	167.758.079.925	120.638.309.718	-28.09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10.282.167.459	8.341.345.864	-18.88%
Lợi nhuận khác	411.229.969	349.638.592	-14.98%
Lợi nhuận trước thuế	10.693.397.428	8.690.984.456	-18.73%
Lợi nhuận sau thuế	8.556.926.806	6.923.030.622	-19.09%

4.1 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2.59	4.19	
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2.57	4.14	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0.31	0.19	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0.44	0.24	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	68		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1.62	1.32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.05	0.06	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.12	0.09	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.08	0.08	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0.13	0.18	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

5.1 Cổ phần:

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mã cổ phiếu: SAC
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phần: 4.050.000 CP
 - + Số lượng cổ phần đang lưu hành: 4.050.000 CP
 - + Số lượng cổ phần chuyên nhượng tự do: 3.950.900 CP
 - + Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyên nhượng: 99.100 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông : (tính đến 03/04/2020)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%/VĐL)
I	Cổ đông trong nước	287	3.944.900	39.449.000.000	97,42%
1	Cổ đông nhà nước	01	2.082.800	20.828.000.000	51,43%
2	Cổ đông tổ chức	07	533.000	5.330.000.000	13,16%
3	Cổ đông cá nhân	279	1.329.800	13.298.000.000	32,83%
II	Cổ đông nước ngoài	02	6.000	60.000.000	0,13%
1	Cổ đông tổ chức	01	4.300	43.000.000	0,11%

2	Cổ đông cá nhân	01	1.000	10.000.000	0,02%
III	Cổ phiếu quỹ		99.100	991.000.000	2,45%
Tổng cộng		289	4.050.000	40.500.000.000	100,00%

Cổ đông lớn :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Số 3 Nguyễn Tất Thành Phường 12 - Quận 4 TPHCM	2.082.800	20.828.000.000	51,43%
3	Đỗ Thanh Bình	P1203, CC B, Số 6 Đội Nhân, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	268.300	2.683.000.000	6,62%
2	CTCP Vật Tư Nông Sản	Số 14 Ngô Tất Tố. Văn Miếu. Q. Đống Đa. Hà Nội	202.500	2.025.000.000	5,00%
Tổng cộng			2.553.600	25.536.000.000	63,05%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 99.100 cổ phần
- Giá trị: 609.600.000 đồng.
- Tỷ lệ: 2,45% vốn điều lệ.

5.5 Các chứng khoán khác: Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Báo cáo liên quan đến vấn đề môi trường:

Hiện nay việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn dân và toàn xã hội. Do đó, Công ty luôn quan tâm đến vấn đề môi trường, hướng đến sử dụng những năng lượng sạch, không gây ô nhiễm môi trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại là để đồng thời tăng năng suất làm việc, tiết kiệm thời gian và giữ gìn môi trường xung quanh. Công ty luôn cử người đi đào tạo, tìm hiểu về các vấn đề môi trường, có trình độ chuyên môn để đánh giá các chỉ tiêu môi trường; thông qua đó, Công ty có những chính sách, phương hướng điều chỉnh thích hợp để cân bằng sản xuất kinh doanh có hiệu quả và sử dụng các nguồn tài nguyên xung quanh một cách hợp lý, kiểm soát ô nhiễm.

6.2. Chính sách liên quan đến người lao động:

Về tiền lương:

- Nhờ sự cố gắng không ngừng của Ban điều hành Công ty trong việc tiếp thị, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm nguồn hàng, triển khai thực hiện dịch vụ mới đã mang lại nguồn doanh thu cho Công ty và việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, qua đó đảm bảo đời sống vật chất, cũng như tinh thần của từng công nhân viên.

- Công ty thực hiện việc tính đúng, đủ và chi trả tiền lương đúng thời hạn quy định tại Quy chế trả lương và Thỏa ước lao động tập thể Công ty.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện việc cải tiến, linh hoạt trong việc quy định và chi trả tiền lương cho người lao động. Trong đó, ban hành các quy định mới về tiền lương như: khoản lương cho bảo vệ, lái xe ô tô con, khoản lương - nhiên liệu cho lái xe cơ giới, quy định

tiền lương cố định cho công nhân lái xe cơ giới... Qua đó, công tác tiền lương đảm bảo hài hòa lợi ích của người lao động và hiệu quả hoạt động của Công ty, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động.

- Ngoài tiền lương được nhận hàng tháng, CBCNV còn được nhận thưởng nhân các ngày lễ, Tết, kỷ niệm như: Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương, ngày Chiến thắng 30/4, ngày Quốc khánh 02/9, ngày thành lập Công ty 01/10, Tết dương lịch, Tết Nguyên đán, hoàn thành kế hoạch...

- Thu nhập bình quân năm 2019 của công nhân viên là: 9.127.443 đồng/người/tháng.

Công tác chăm lo đời sống cho CBCNV:

- Đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ công nhân viên, bổ sung lương vào những tháng có sản lượng thấp.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV.

- Tổ chức tặng quà cho công nhân viên nhân dịp Tết Trung Thu, Tết Nguyên đán. Thăm viếng và chi trợ cấp khó khăn, đột xuất cho các trường hợp CBCNV bị ốm đau, tai nạn, tử tuất. Thăm hỏi và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn dịp Tết cổ truyền, ngày quốc tế lao động và ngày thành lập Công ty.

6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cắp sách đến trường. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của Công ty thực hiện nhiều phong trào, đợt hoạt động từ thiện vì cộng đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm 2019, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, đồng thời sự phát triển của một số cảng tư nhân, cùng với chính sách giảm giá dịch vụ, lôi kéo khách hàng dẫn đến cạnh tranh gay gắt trong thị phần kinh doanh.

Mặc dù trong năm 2019, được sự quan tâm của các cơ quan quản lý, cộng với sự ủng hộ của các đối tác, sự sâu sát của Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Công ty vượt qua khó khăn thách thức, nhưng Công ty đã không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2018	NĂM 2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	167.758.079.925	120.638.309.718
2	Giá vốn bán hàng	146.101.882.677	99.096.715.412
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.656.197.248	21.541.594.306
4	Doanh thu hoạt động tài chính	2.480.155.070	2.143.495.993
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.854.184.859	15.343.744.435
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.282.167.459	8.341.345.864
7	Lợi nhuận khác	411.229.969	349.638.592
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.693.397.428	8.690.984.456
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.136.470.622	1.767.953.834

10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.556.926.806	6.923.030.622
11	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.923	1.752

Năm 2019, Doanh thu hoạt động kinh doanh dịch vụ chính đạt 120.638.309.718 đồng, doanh thu hoạt động tài chính đạt 2.143.495.993 đồng, lợi nhuận khác đạt 349.638.592 đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 8.690.984.456 đồng. So với kế hoạch đề ra năm 2019 thì tổng doanh thu SXKD chính đạt 75,79% kế hoạch, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 72,42% kế hoạch. So với kết quả kinh doanh năm 2018 thì tổng doanh thu đạt 72,52%, tổng lợi nhuận trước thuế giảm 18,73%. Doanh thu và lợi nhuận năm 2019 giảm là do tạm ngưng cung cấp dịch vụ tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải - Trà Vinh từ tháng 07/2019 (châm dứt hợp đồng), đồng thời do sức ép về giá của các đơn vị cạnh tranh, từ tháng 09/2019 Công ty phải giảm giá đối với nhiều mặt hàng trong khu vực Cảng Sài Gòn

2. Tình hình tài chính:

2.1 Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	TH 2019/TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Tài sản ngắn hạn	81.692.883.857	73.053.404.096	89,42%	79,12%	80,20%
Tài sản dài hạn	21.558.061.182	18.030.718.991	83,64%	20,88%	19,80%
Tổng tài sản	103.250.945.039	91.084.123.087	88,22%	100%	100%

2.2 Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	TH 2019/TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Nợ ngắn hạn	31.542.556.824	17.451.296.931	55,33%	99,90%	99,81%
Nợ dài hạn	32.670.000	32.670.000	100,00%	0,10%	0,19%
Tổng nợ phải trả	31.575.226.824	17.483.966.931	55,37%	100,00%	100,00%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2019, cùng với việc triển khai thực hiện dịch vụ tại các cảng, đơn vị, đối tác, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua, khuyến khích CBCNV các đơn vị trực thuộc thực hành tiết kiệm, đề xuất các ý tưởng, giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động, tăng cường khả năng cạnh tranh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua trong toàn thể CBCNV lập thành tích chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước và Công ty, qua đó đã tạo không khí hăng hái thi đua sôi nổi trong người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục củng cố và giữ vững dịch vụ tại các đơn vị Công ty đang cung cấp dịch vụ. Đồng thời, đẩy mạnh việc tiếp thị và triển khai cung cấp dịch vụ các cảng, khu vực mới, đặc biệt là các cảng khu vực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị cho thuê phao, cung cấp dịch vụ logistics..

- Đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, đầu tư thay thế các trang thiết bị cũ, công suất thấp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động và hạn chế các chi phí sửa chữa.

- Áp dụng các giải pháp, hình thức tuyên truyền, kiểm tra công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm an toàn lao động nhằm hạn chế các tai nạn lao động, đặc biệt là tai nạn lao động nặng.

Căn cứ vào tình hình thực tế trong năm 2019 - 2020, cùng với các khó khăn về việc ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh khi thực hiện di dời, tình hình dịch bệnh từ đầu năm 2020. Ban điều hành Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2020 như sau:

- + Sản lượng bốc xếp: 11,300 triệu tấn
- + Doanh thu: 114,200 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế đạt: 6 tỷ đồng
- + Cổ tức: 8%.
- + Thu nhập bình quân (có lương tháng 13): 9,8 triệu đồng/người/tháng.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

5.1. Về cơ cấu, nhân sự:

Nhằm nâng cao năng lực của các đơn vị trực thuộc, hợp lý hóa, chủ động trong điều hành sản xuất, Ban điều hành Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự và thực hiện trong suốt năm 2019.

- Tổng số CBCNV đầu năm (01/01/2019): 148 người. Trong đó:
 - + Công nhân trực tiếp: 54 người
 - + Gián tiếp – phục vụ: 94 người
- Tổng số CBCNV đến ngày (01/01/2020): 171 người. Trong đó:
 - + Công nhân trực tiếp: 86 người
 - + Gián tiếp – phục vụ: 85 người

Trong năm 2019, người lao động Công ty có nhiều biến động, đặc biệt là khối lao động trực tiếp công nhân bốc xếp, lực lượng lao động sản xuất chính của đơn vị.

5.2. Các hoạt động phong trào:

- Cử CBCNV tham gia Hội thi, Hội thao, Hội diễn văn nghệ do Công đoàn và các tổ chức đoàn thể các cấp (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, Cảng Sài Gòn...) tổ chức.
- Tổ chức các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ trong năm, ngày thành lập Công ty, họp mặt khách hàng cuối năm với sự tham dự đông đảo của các đối tác, khách hàng thân thiết và Ban lãnh đạo của Công ty, qua đó đã tạo không khí vui tươi, đoàn kết, thân thiện trong CBCNV Công ty.
- Hỗ trợ Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh Công ty tổ chức thực hiện nhiều hoạt động phong trào nhằm tạo sự đoàn kết, tinh thần vui tươi cho CBCNV sau những ngày làm việc mệt nhọc và thực hiện công tác xã hội tại địa phương và các tỉnh lân cận.

5.3. Những mặt còn tồn tại:

- Lực lượng lao động trực tiếp – công nhân bốc xếp – tuyển dụng mới do đó tay nghề chuyên môn cũng như kinh nghiệm còn hạn chế, cần có thêm thời gian đào tạo, nâng cao khả năng khai thác, năng lực sản xuất kinh doanh.
- Đối với lao động khối phục vụ gồm Kỹ sư, Trục ban hiện trường, công nhân kỹ thuật hiện rất khó tuyển dụng nhất là tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; mặt khác với mức thu nhập của người lao động tại Công ty hiện nay, ngoài việc rất khó tuyển dụng còn khó có thể giữ chân được những lực lượng lao động nêu trên.
- Một số đơn vị vệ tinh có lao động chưa chuyên nghiệp, chưa được đào tạo bài bản nên chưa chấp hành tốt trang phục bảo hộ lao động, quy trình sản xuất, an toàn lao động.
- Việc chấp hành quy định về trang phục bảo hộ lao động của công nhân trực tiếp sản xuất còn kém.

- Bên cạnh đó, việc cảng Nhà Rồng - Khánh Hội tái tiếp nhận tàu dẫn đến việc nhân sự, trang thiết bị của công ty phải dàn trải nhiều khu vực (vừa Cảng Hiệp Phước, vừa Nhà Rồng - Khánh Hội), gây khó khăn trong việc quản lý và điều động trang thiết bị, nhân sự.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2019, đứng trước rất nhiều khó khăn do Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội di dời, trong khi đó Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước vẫn chưa hoàn thiện và chưa bù đắp sản lượng sụt giảm từ việc di dời Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội. Bên cạnh đó là tác động của “dịch tả heo Châu Phi” dẫn đến sụt giảm mạnh sản lượng nguồn hàng thức ăn gia súc tại khu vực cảng SSIT; là việc thực hiện đơn giá dịch vụ mới tại Cảng Sài Gòn từ tháng 9/2019 và nhiều khó khăn khách quan khác tác động.

Công ty vẫn tiếp tục củng cố dịch vụ tại khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (gồm các cảng SSIT, InterFlour, Cn CSG tại BR-VT...). Công ty không ngừng bổ sung lực lượng Trục ban, kỹ thuật, lái xe, trang thiết bị và phối hợp tốt với các đơn vị vệ tinh bổ sung nhân lực, phương tiện để phục vụ hoạt động sản xuất tại khu vực này. Mặc dù, doanh tại khu vực Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong năm 2019 thực hiện vượt kế hoạch nhưng hiệu quả mang lại cho đơn vị không như kỳ vọng của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Qua xem xét, đánh giá thì mặc dù chi phí quản lý đã kiểm soát ở mức rất hợp lý, tuy nhiên việc sử dụng phương tiện, trang thiết bị Công ty đã đầu tư nhằm cung cấp dịch vụ xếp dỡ, cho thuê tại khu vực này không hiệu quả, chủ yếu do nguyên nhân đã được nêu trên đây.

Bên cạnh những dịch vụ mang lại nguồn doanh thu tốt năm 2019, thì có những dịch vụ, khu vực có sản lượng, doanh thu sụt giảm rất nhiều so với kế hoạch đề ra như: Cảng SSIT (do giảm sản lượng nghiêm trọng mặt hàng thức ăn gia súc); chuyển tải Kim khí chỉ đạt 202 triệu đồng thấp hơn so với kế hoạch (do sản lượng kim khí nhập ngoại phải chuyển tải qua phao giảm và do cạnh tranh gay gắt), các cảng khu vực Long An, Cảng Phú Đông không triển khai được.... Ngoài ra, sản lượng thực hiện tại Cảng Hiệp Phước (bao gồm cả khu vực Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội trước đây) không đạt như kỳ vọng của Ban điều hành Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Tổng giám đốc như sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Ban Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo trực tiếp Tổng giám đốc nhằm đảm bảo việc thực thi đúng và đầy đủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư 2019. Xây dựng và triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2020;

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai và hoàn tất công tác kiểm toán cho năm tài chính 2019 và công bố các thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc có giải trình về các nội dung liên quan đến công tác báo cáo kết quả kinh doanh hàng tháng, thực hiện đúng quy trình đầu tư, định biên cơ cấu nhân sự sau di dời, thuê nhân công ngoài, báo cáo tình hình thực hiện dịch vụ tại Công ty Nhiệt điện Duyên Hải và gửi toàn bộ hồ sơ có liên quan để Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát xem xét.

- Dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn vào lúc 08 giờ 00 ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường Công ty, tuy nhiên, do tình hình Dịch Covid 19 diễn biến phức tạp nên Hội đồng quản trị đã định điều chỉnh lại kế hoạch, chậm nhất đến cuối tháng 6/2020 sẽ tổ chức ký hợp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát để họp bàn cùng Ban Tổng giám đốc Công ty để kịp thời giải quyết những vướng mắc, khó khăn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung: Việc giám sát các hoạt động của Ban điều hành đã được Hội đồng quản trị chú trọng. Trong năm, Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát theo dõi giám sát các hoạt động của Ban điều hành thông qua hệ thống báo cáo theo đúng quy chế, điều lệ công ty. Căn cứ các báo cáo, tờ trình của Ban điều hành, Hội đồng quản trị đã xem xét và có ý kiến chỉ đạo trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành chưa kịp thời, còn nhiều văn bản chỉ đạo và nghị quyết của Hội đồng quản trị đưa ra chưa được Ban điều hành thực hiện đúng tiến độ. Công tác quản lý trang thiết bị và nguồn nhân lực (kể cả lực lượng vệ tinh thuê ngoài) còn chưa tốt, chi phí cao dẫn đến hiệu quả đầu tư và sản xuất kinh doanh còn hạn chế và chất lượng dịch vụ nhiều lúc không đảm bảo theo yêu cầu của khách hàng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; đảm bảo thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của Công ty đại chúng; chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

- Xem xét đánh giá kỹ các dự án đầu tư, xây dựng cơ bản trước khi triển khai nhằm đảm bảo tính hiệu quả của việc thực hiện dự án, phát huy tốt nhất việc sử dụng đồng vốn. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thực hiện công tác mời thầu, đấu thầu, chấm thầu đúng quy định Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành mới các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách tiền lương để người lao động được trả lương tương xứng với công sức và trình độ; đảm bảo thu hút và giữ được người lao động có trình độ chuyên môn tay nghề cao.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ Tên	Chức vụ	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ học vấn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Đào Quyết Tiến	Chủ tịch	1964	Hung Yên	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 0 CP (0%) - Đại diện vốn Công ty CP Cảng Sài Gòn: 867.915 CP (21.43%)	TV không điều hành
2	Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	1963	Thái Bình	Tiến sỹ	- Sở hữu cá nhân: 0 CP (0%) - Đại diện vốn CTCP Vật tư Nông sản: 202.500 CP (5%)	TV không điều hành

3	Lê Minh Cường	Thành viên	1984	Hồ Chí Minh	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 0 CP (0%) - Đại diện vốn Công ty CP Cảng Sài Gòn: 607.500 CP (15%)	TV không điều hành
4	Phan Minh Trí	Thành viên	1962	Hà Nội	Kỹ sư	Sở hữu cá nhân: 41.500 CP (1,02%)	Tổng Giám đốc Công ty
5	Lê Văn Hóa	Thành viên	1967	Trà Vinh	Kỹ sư	- Sở hữu cá nhân: 9.900 CP (0,22%) - Đại diện vốn Công ty CP Cảng Sài Gòn: 607.500 CP (15%)	TV không điều hành

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có bộ phận Thư ký với biên chế là 01 người, thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị như: tham gia Ban thư ký trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; tham dự và lập biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết, quyết định; lưu giữ hồ sơ, tài liệu, công văn... của Hội đồng quản trị.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, do tình hình nhân sự ủa Công ty, có nhiều biến động, nên Hội đồng quản trị Công ty tiến hành tổ chức được 03 cuộc họp với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Công ty. Trong đó, nội dung của các cuộc họp cụ thể như sau

- Cuộc họp tháng 3/2019, thông qua các nội dung: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Quyết toán quỹ lương Ban điều hành năm 2018, Kế hoạch Quỹ lương Ban điều hành, tạm giao đơn giá tiền lương, kế hoạch đầu tư, chi phí tiếp thị, kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018...

- Cuộc họp tháng 4/2019, thông qua các nội dung: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Cuộc họp tháng 9/2019, thông qua các nội dung: báo cáo tài chính quý 3 năm 2019 và Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng đầu năm 2019, đơn giá thuê dịch vụ xếp dỡ với các đơn vị vệ tinh, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019...

Ngoài ra, giữa các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã tổ chức lắng ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản nhằm thông qua các vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị. Trong đó, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 đợt lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

* Năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành các nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Ghi chú
01	10/NQ-HĐQT	13/02/2019	Về việc bổ nhiệm Phó Trưởng Phòng Khai thác	
02	16/NQ-HĐQT	21/02/2019	Về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền tại Công ty CP Dịch vụ Hàng hải Tân Hưng Phúc	
03	32/QĐ-HĐQT	20/3/2019	Về việc thành lập Ban chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	

04	40/QĐ-HĐQT	11/4/2019	Về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019	
05	49b/NQ-HĐQT	22/4/2019	Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019 và những vấn đề liên quan	
06	49a/NQ-HĐQT	22/4/2019	Về việc thông qua Thang – bảng lương năm 2019	
07	55/NQ-HĐQT	23/4/2019	Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	
08	63b/QĐ-HĐQT	16/5/2019	Về việc bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị	
09	63a/QĐ-HĐQT	16/5/2019	Về việc thanh lý 02 xe ô tô khách 16 chỗ	
10	63c/NQ-HĐQT	20/5/2019	Về việc đầu tư mua 02 xe ủi/gạt bánh xích D31 và 02 xe cuốc dung tích 0.3 - 0.5 m ³ đã qua sử dụng	
11	56/NQ-HĐQT	28/5/2019	Về việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ trưởng, phó các phòng, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	
12	74/QĐ-HĐQT	10/6/2019	Về việc đầu tư mua 02 xe ủi/gạt bánh xích đã qua sử dụng	
13	151/NQ-HĐQT	15/10/2019	Về việc bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	
14	152/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Về việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	
15	153/QĐ-HĐQT	16/10/2019	Về việc bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xếp dỡ và Dịch vụ Cảng Sài Gòn	
16	154/QĐ-HĐQT	06/12/2019	Về việc đầu tư mua 01 xe ủi/gạt Komatsu D31-20A đã qua sử dụng	

2. Ban Kiểm soát:

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ Tên	Chức vụ	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ học vấn	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Trần Thu Giang	Trưởng Ban	1972	Bến Tre	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 1.000 CP (0,02%) - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	
2	Vũ Thành Trung	Kiểm soát viên	1976	Nam Định	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 1.000 CP (0,02%) - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	
3	Nguyễn Ngọc Tâm	Kiểm soát viên	1976	Bình Định	Cử nhân	- Sở hữu cá nhân: 0 - Đại diện vốn: 0 CP (0%)	

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra và giám sát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau :

1- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

2- Kiểm soát Báo cáo Tài Chính; giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động của công ty ; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

3-Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp với HĐQT, kiểm tra các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị Công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với chủ trương Đại hội cổ đông. Trong các cuộc họp, Ban kiểm soát đã trình bày các quan điểm của mình về công tác SXKD, công tác quản lý doanh thu, chi phí và một số công tác khác.

Một số hoạt động cụ thể của Ban Kiểm soát trong năm 2019 như sau:

- Tham dự các phiên họp của HĐQT.

- Từ ngày 19/09 đến 20/09/2018: Kiểm tra, giám sát các hoạt động tài chính 8 tháng đầu năm 2019 của Công ty.

- Từ ngày 19/03/2020 đến ngày 20/03/2020: Kiểm tra các hoạt động tài chính và tiền lương của công ty trong quý 4 năm 2019.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính : đồng Việt Nam

	Họ tên – Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao và Lợi ích khác	Tổng cộng
Hội Đồng Quản Trị	Nguyễn Quốc Hưng Nguyên Chủ tịch			14.400.000	14.400.000
	Đào Quyết Tiến Thành viên			28.800.000	28.800.000
	Nguyễn Tiến Dũng Thành viên			37.800.000	37.800.000
	Phan Minh Trí Thành viên - TGD			25.200.000	25.200.000
	Lê Minh Cường Thành viên			37.800.000	37.800.000
	Trương Thu Hà Thành viên			12.600.000	12.600.000
	Lê Văn Hóa Thành viên			37.800.000	37.800.000
	Nguyễn Minh Thế Thư ký	55.729.587		5.400.000	61.129.587
	Lê Đức Nghĩa Thư ký			10.800.000	10.800.000
	CỘNG:	55.729.587		210.600.000	266.329.587

Ban Điều hành	Phan Minh Trí Tổng Giám đốc	379.900.000	9.000.000		388.900.000
	Phan Công Dân Phó Tổng Giám đốc	310.400.000	9.000.000		319.400.000
	Trần Ngọc Út Phó Tổng Giám đốc	313.200.000	9.000.000		322.200.000
	Trần Khánh Lâm Phó Tổng Giám đốc	239.963.636	9.000.000		248.963.636
	Hồ Thị Thanh Thanh Kế toán trưởng	50.732.000	1.750.000		52.482.000
	CỘNG:	1.294.195.636	37.750.000	0	1.331.945.636
Ban Kiểm Soát	Trần Thu Giang Trưởng Ban			32.400.000	32.400.000
	Nguyễn Anh Thành Thành viên	35.401.799		5.400.000	40.801.799
	Nguyễn Ngọc Tâm Thành viên			16.200.000	16.200.000
	Vũ Thành Trung Thành viên			10.800.000	10.800.000
	CỘNG:	35.401.799	0	64.800.000	64.800.000
TỔNG CỘNG:		1.385.327.022	37.750.000	375.400.000	1.698.477.022

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Trong năm, Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ và nghiêm túc quy định pháp luật, Điều lệ về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán kèm theo

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Kèm theo

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty



PHAN MINH TRÍ